

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Ông Huỳnh Văn Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Hồng T, sinh năm 1982 tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: Khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Minh H (chết) và bà Bùi Thị Lệ T1; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/8/2023 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thuế tỉnh A. Trụ sở: Số B, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1971, chức vụ: Phó Đội trưởng, Đội kiểm tra thuế, Chi cục Thuế khu vực C1 – C, Cục Thuế tỉnh A (Theo Văn bản ủy quyền số 4338/CTAGI-TTCB ngày 02/11/2023). Địa chỉ: Số E, đường P, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Có mặt

2. Phạm Văn N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

3. Phạm Phú C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

4. Mai Tôn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt

5. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

6. Trần Thị Cẩm L1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số B, đường B, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

7. Lê Ký L2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

8. Nguyễn Tứ H1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

9. Phạm Văn L3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Hồng T là kế toán của Trường M1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang theo hợp đồng lao động số 98 ngày 01/10/2021. Trong thời gian làm kế toán, T thành lập Công ty TNHH K chi nhánh A (gọi tắt là Công ty K chi nhánh A) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 01/3/2022 tại số E, đường L, phường B, thành phố L, do T làm giám đốc chi nhánh, ngành nghề kinh doanh: tư vấn quản lý doanh nghiệp.

Khoảng tháng 02/2022, do cần thành lập công ty nên anh Phạm Văn N nhờ anh Phạm Phú C thuê T tư vấn làm thủ tục thành lập công ty và đăng ký thuế cho anh N với tiền công 4.990.000 đồng. Sau đó, T làm thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập Công ty TNHH MTV T5 cho anh N (gọi tắt là Công ty T5) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402175900 lần đầu ngày 04/3/2022, trụ sở tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, người đại diện theo pháp luật là Phạm Văn N, ngành nghề kinh doanh: mua bán gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 12/5/2022, địa chỉ mới tại số A, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 04/3/2022, Công ty T5 đăng ký kê khai nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực E, huyện L theo mã số thuế được cấp là 1402175900, đến ngày 13/4/2022 Cơ quan Thuế chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của Công ty T5. Sau khi làm xong thủ tục thành lập Công ty T5, ngày 10/3/2022, T giao lại Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh, mộc dấu công ty kèm theo Hợp đồng dịch vụ kế toán hàng tháng, kể từ tháng 3/2022 đến tháng 3/2023 giữa Công ty K chi nhánh A với Công ty T5, phí dịch vụ kế toán mỗi tháng là 3.000.000 đồng nhưng anh N chỉ thuê T làm dịch vụ kế toán quý I năm 2022 do đã thuê được kế toán khác. Để thuận tiện cho việc khai báo thuế quý I năm 2022, anh N để cho T giữ chữ ký số của Công ty T5, đăng ký ngày 04/3/2022 nhà mạng cung cấp là Công ty TNHH C2, mã số thuế 0109905663. Đến tháng 4/2022, anh N không thuê T làm báo cáo thuế và yêu cầu T trả lại chữ ký số của Công ty T5 nhưng T không trả.

Trong tháng 02/2022, T còn nhận làm kế toán dịch vụ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (gọi tắt là Công ty V) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602156944, lần đầu ngày 28/02/2022, trụ sở tại số C, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; người đại diện theo pháp luật và Giám đốc là Mai Tôn L; ngành nghề kinh doanh: bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Quá trình làm kế toán, T phát hiện Lượng thu mua những hàng hóa không rõ nguồn gốc trên thị trường, không có hóa đơn, chứng từ nên T gợi ý cho L mua hóa đơn không đầu vào để hợp thức hóa số lượng hàng hóa đã mua thì L đồng ý. Để thực hiện, T lợi dụng việc đang làm kế toán dịch vụ và đang quản lý chữ ký số của Công ty T5 nên đã xuất không 08 hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt GTGT), thể hiện tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi là 1.674.965.000 đồng, tổng tiền thuế GTGT ghi là 167.496.500 đồng, tổng tiền thanh toán ghi là 1.842.461.500 đồng, cụ thể:

Hóa đơn số 01, kí hiệu C22TMP, ngày 18/7/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 354.915.000 đồng; Hóa đơn số 02, kí hiệu C22TMP, ngày 23/7/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 150.238.000 đồng; Hóa đơn số 03, kí hiệu C22TMP, ngày 31/7/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 66.852.500 đồng; Hóa đơn số 04, kí hiệu C22TMP, ngày 31/7/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 90.260.500 đồng; Hóa đơn số 05, kí hiệu C22TMP, ngày 05/9/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 102.982.000 đồng; Hóa đơn số 06, kí hiệu C22TMP, ngày 22/10/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 52.563.500 đồng; Hóa đơn số 07, kí hiệu C22TMP, ngày 22/10/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 127.242.500 đồng; Hóa đơn số 14, kí hiệu C22TMP, ngày 31/12/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Công ty V, tổng số tiền thanh toán là 897.407.500 đồng. Sau khi hoàn thành việc xuất 08 hóa đơn GTGT trên, L đã chuyển khoản trả cho T tổng cộng 55.273.845 đồng, tương ứng với 3% tiền của 08 hóa đơn.

Với thủ đoạn như trên, từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2022, T còn xuất không 06 hóa đơn GTGT của Công ty T5 bán cho Nguyễn Thanh T2 là chủ hộ kinh doanh Cửa hàng trang trí nội thất T, địa chỉ kinh doanh: tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, với giá 10% tổng tiền thanh toán của 06 hóa đơn, thể hiện tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi là 48.740.000 đồng, tổng tiền thuế GTGT ghi là 5.040.000 đồng, tổng tiền thanh toán ghi là 53.780.000 đồng, nội dung trong 06 hóa đơn GTGT đều do T2 cung cấp để T xuất hóa đơn, cụ thể:

Hóa đơn số 08, ký hiệu C22TMP, ngày 24/11/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường Tiểu học A1, hoá đơn, hàng hoá dịch vụ, gồm: Tủ hồ sơ 1M2, số lượng 01 cái, đơn giá 6.800.000 đồng; Tủ hồ sơ 1M6, số lượng 01 cái, đơn giá 7.800.000 đồng, tổng số tiền chưa thuế là 14.600.000 đồng, tổng tiền thuế là 1.460.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 16.060.000 đồng; Hóa đơn số 09, ký hiệu hoá đơn C22TMP, ngày 24/11/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường Tiểu học A1, hàng hoá dịch vụ, gồm: Bục B, số lượng 01 cái, đơn giá 4.900.000 đồng; Bục phát biểu, số lượng 01 cái, đơn giá 4.900.000 đồng, tổng số tiền chưa thuế là 9.800.000 đồng, tổng tiền thuế là 980.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 10.780.000 đồng; Hóa đơn số 10, ký hiệu C22TMP, ngày 24/11/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường THCS B, hàng hoá dịch vụ, gồm: Bục B, số lượng 01 cái, đơn giá 4.900.000 đồng; Bục phát biểu, số lượng 01 cái, đơn giá 4.500.000 đồng, tổng số tiền chưa thuế là 9.400.000 đồng, tổng tiền thuế là 940.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 10.340.000 đồng; Hóa đơn số 11, ký hiệu C22TMP, ngày 21/12/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường Tiểu học B1, hàng hoá dịch vụ là kệ sách di động, số lượng 01 cái, đơn giá 4.050.000 đồng, tổng số tiền chưa thuế là 4.050.000 đồng, tổng tiền thuế là 450.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 4.500.000 đồng; Hoá đơn số 12, ký hiệu C22TMP, ngày 21/12/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường Tiểu học D, hàng hoá dịch vụ là Bục phát biểu, số lượng 01 cái, đơn giá 4.410.000 đồng, tổng số tiền chưa thuế là 4.410.000 đồng, tổng tiền thuế là 490.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 4.900.000 đồng; Hoá đơn số 13, ký hiệu C22TMP, ngày 21/12/2022 của Công ty T5 xuất bán cho Trường B1, hàng hoá dịch vụ, gồm: Bục phát biểu, số lượng 01 cái, đơn giá 4.410.000 đồng; kệ dép, số lượng 02 cái, đơn giá 1.035.000 đồng, tổng tiền chưa thuế là 6.480.000 đồng, tổng tiền thuế là 720.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 7.200.000 đồng.

Nguyễn Thanh T2 sử dụng các hóa đơn trên để hợp thức hóa nguồn hàng của T2 bán cho Trường tiểu học A1, Trường tiểu học A1, Trường trung học cơ sở B, Trường tiểu học B1, Trường tiểu học D, Trường B1. Sau khi T xuất hóa đơn, T2 soạn thảo hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu liên quan đến 06 hóa đơn, đến ngày giao hàng, T2 gửi hóa đơn GTGT của Công ty N1 cho trường, có

ghi nhận hàng hóa, tổng tiền thanh toán; phiếu báo giá; hợp đồng mua bán (bên bán là Nguyễn Thanh T2 chủ cửa hàng); biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cho trường để làm thủ tục quyết toán tiền ngân sách nhà nước. T3 đã lập giấy rút dự toán ngân sách nhà nước đã được Kho bạc nhà nước huyện C chuyển khoản thanh toán số tiền cho T2. Việc T2 sử dụng hóa đơn GTGT bất hợp pháp thì các trường không biết. Sau khi nhận được hóa đơn, T2 đã trả cho T 4.874.000 đồng tương ứng với 10% giá trị hàng hóa ghi trên 06 hóa đơn.

Do T không trả chữ ký số nên ngày 24/4/2022, Công ty T5 đã thông báo hủy chữ ký số cũ và đăng ký chữ ký số mới. Đến đầu tháng 01 năm 2023, qua tra cứu trên hệ thống hóa đơn điện tử trong quý III và quý IV năm 2022 Công ty T5 phát sinh 14 hóa đơn GTGT bán ra nhưng công ty không biết việc phát sinh số hóa đơn này và những loại hàng trong hóa đơn không phải loại hàng mà công ty đăng ký kinh doanh. Công ty T5 đã hủy các hóa đơn GTGT không hợp pháp nên không bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường. Anh N nghi bị T xuất bán trái phép hóa đơn nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tố giác hành vi của T.

Đến ngày 24/8/2023, Bùi Hồng T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L bắt tạm giam để điều tra, khám xét nơi ở của Bùi Hồng T tại phòng số 4, nhà T ở khu S, phường B, thành phố L và khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang phát hiện thu giữ: 01 chữ ký số màu trắng bạc của Trường M1, mã số thuế (viết tắt là MST) 1601435504-QL, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5404150808023485, không còn sử dụng do hết hạn; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Trường M1, MST 1601435504-QL, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5405220416067013, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Bùi Hồng T sử dụng tại Trường M1, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5404190610023182, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty K chi nhánh A, địa chỉ: số E L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, MST 4601535688-002, do Bùi Hồng T làm Giám đốc, công ty không còn hoạt động, mua của Công ty Cổ phần Đ, có mã số LCS 20980009576, không còn sử dụng; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T6 (gọi tắt là Công ty T6), MST 1602120190-QL, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5404191001008600; 01 chữ ký số màu xanh của Công ty TNHH T6 chi nhánh số 01 An Giang (gọi tắt là Công ty T6 chi nhánh A), địa chỉ: số H, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, MST 0108618377-041-QL, 02 công ty do Bùi Hồng T làm Giám đốc, công ty đang hoạt động, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T7 (gọi tắt là Công ty T7) do bà Hà Thị Kim Q làm giám đốc, địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602149986-QL, nơi Bùi Hồng T làm kế toán, công ty đã bỏ hoạt động từ tháng 06 năm 2022, mua của nhà mạng Viettel,

có mã số 540521011020016170, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty TNHH MTV S (gọi tắt là Công ty S) do ông Trần Vũ P làm giám đốc, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Kiên Giang, MST 1702274966-QL, công ty thuê Bùi Hồng T thành lập công ty, công ty đang hoạt động, mua của Công ty I-CA, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Hợp tác xã N2, do ông Nguyễn Tứ H1 làm giám đốc, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602164021-QL, công ty H2 còn đang hoạt động, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5405220416048546 và 01 chữ ký số màu đen của Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X), do ông Phạm Văn L3 làm giám đốc, địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602143695-QL, 02 công ty đều do Bùi Hồng T làm kế toán, công ty đang hoạt động, mua công ty V1, hiện còn sử dụng; 01 chữ ký số màu trắng sữa của Công ty TNHH B2 (gọi tắt là Công ty B2) do bà Trần Thị Cẩm L1 làm giám đốc và ông Lê Ký L2 là chủ sở hữu công ty, địa chỉ: xã V, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602159663-QL, công ty thuê Bùi Hồng T làm kế toán, công ty đang hoạt động, nhãn hiệu Easyca, chữ ký số không còn sử dụng; 04 mộc dấu tròn của Công ty T6, Công ty S, Công ty T6 chi nhánh A, Công ty K chi nhánh A; 05 dấu tên và chức vụ (02 dấu tên Bùi Hồng T, 01 dấu giám đốc chi nhánh B3, 01 dấu giám đốc chi nhánh, 01 dấu giám đốc Trần Vũ P); Các loại tài liệu, hóa đơn, chứng từ, giấy tờ cá nhân của Bùi Hồng T liên quan đến hoạt động thành lập công ty, dịch vụ kế toán của T; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, màu đen, số 15-ra0055TU A (4NA89BA UUF), Core i3; 01 máy tính bàn, nhãn hiệu VSP, màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu Global, 21,5 inch, model GL-2210S; 01 điện thoại di động hiệu S1 S10 Lite, 01 điện thoại di động hiệu S1 A9.

Kết luận giám định số 14/KL-GĐTP ngày 07/11/2023 của Cục Thuế tỉnh A, xác định: Đối với việc xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế: Công ty V đã có hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn để hợp thức hoá hàng hoá, dịch vụ mua vào nhưng đến thời điểm ngày 04/4/2023, Công ty V đã khai bổ sung loại trừ tất cả chi phí, thuế khấu trừ có liên quan đến các hoá đơn không hợp pháp và đã tự nộp khắc phục đầy đủ số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó chỉ xử phạt đối với hành vi sử dụng hoá đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hoá đơn. Chi cục Thuế khu vực C1 đã xử phạt vi phạm hành chính về hoá đơn đối với Công ty V Dầu theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hoá đơn, số tiền 35.000.000 đồng. Đối với việc xác định số tiền thuế gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước: Công ty V có hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn nhưng công ty đã kê khai bổ sung loại trừ tất cả chi phí, thuế khấu trừ có liên quan đến các hoá đơn không hợp pháp và đã tự nộp khắc phục số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước nên

Công ty vì tính Cái Dầu không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Ngày 08/11/2023, Chi cục Thuế khu vực E, tỉnh Đồng Tháp có công văn số 1568 xác định: Qua tra cứu dữ liệu hóa đơn điện tử ghi nhận 14 số hóa đơn liên quan đến hành vi của Bùi Hồng T đã được Công ty T5 thực hiện hủy 10 hóa đơn, 04 hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã. Do đó, chưa gây thiệt hại về thuế (ngân sách Nhà nước) đối với Chi cục Thuế khu vực E.

Ngày 16/11/2023, Chi cục Thuế khu vực C1 - C, tỉnh An Giang có công văn số 4834 xác định: Công ty V Dầu không hạch toán và kê khai giá trị thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào đối với 02 số hóa đơn của Công ty B2, MST 1602159663, địa chỉ: tổ D, ấp P, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang trong hồ sơ khai thuế GTGT quý I và quý II năm 2023.

Ngày 08/5/2023, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện C, tỉnh An Giang có công văn số 361 xác định: Trường tiểu học A1, tiểu học B M, trung học cơ sở B, tiểu học B M, tiểu học D V, mẫu giáo Mỹ Phú trực thuộc Phòng Giáo dục và đào tạo huyện C đã thực hiện mua sắm trang thiết bị, trong đó có 05 đơn vị sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách và 01 đơn vị sử dụng nguồn học phí để mua sắm trang thiết bị. Các đơn vị đã thực hiện thanh toán với Kho bạc, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình điều tra, xác định 03 chữ ký số của Trường M1 không liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Hồng T nên ngày 06/6/2023, đại diện Trường M1 đã nhận lại 03 chữ ký số này. Đối với Công ty T6, Công ty T6 chi nhánh A do Bùi Hồng T làm giám đốc, Công ty T7 do bà Hà Thị Kim Q làm giám đốc, 03 công ty này không liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Hồng T. Hợp tác xã N2, Công ty X do H1, L3 làm giám đốc đều thuê Bùi Hồng T làm dịch vụ kế toán cho Hợp tác xã N2, Công ty X. Ngày 12/9/2023, H1 đã nhận lại 01 chữ ký số màu trắng bạc của Hợp tác xã N2. Công ty X đã hủy chữ ký số mà T đang giữ nên không yêu cầu nhận lại. Riêng Công ty S do ông Trần Vũ P làm giám đốc đã đóng mã số thuế ngày 24/7/2023, không đăng ký phát hành, sử dụng hoá đơn, không phát sinh các khoản thuế phải nộp.

Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 11/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo Bùi Hồng T về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm c khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Hồng T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 203, đề nghị cấm bị cáo hành nghề liên quan đến kế toán từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T7 (do Công ty đã không còn hoạt động), 01 chữ ký số màu đen của Công ty TNHH X (do Công ty không yêu cầu nhận lại), 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty TNHH MTV S (Công ty đã đóng mã số thuế) và mộc dấu tròn của Công ty S; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9 do bị cáo sử dụng dùng để liên lạc, trao đổi mua bán trái phép hóa đơn;

Trả cho bà Trần Thị Cẩm L1 01 chữ ký số màu trắng sữa của Công ty TNHH B2;

Trả cho bị cáo T 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty K chi nhánh A, 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T6, 01 chữ ký số màu xanh của Công ty TNHH T6 chi nhánh số 01 An Giang, 03 mộc dấu tròn của Công ty K chi nhánh A, Công ty T6, Công ty T6 chi nhánh A (do bị cáo làm giám đốc), 05 dấu tên và chức vụ (02 dấu tên Bùi Hồng T, 01 dấu giám đốc chi nhánh B3, 01 dấu giám đốc chi nhánh, 01 dấu giám đốc Trần Vũ P), Chứng nhận số 7045/CN-PNP ngày 25/12/2018 của Công ty CP P1; Chứng chỉ đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu số 0872-TC19AG ngày 20/5/2019 của Công ty TNHH B4; Chứng nhận số 852CP2-214 ngày 31/12/2020 của Trung tâm N3 cấp cho Bùi Hồng T về khoá bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu qua mạng; Chứng chỉ tốt nghiệp số 068486 ngày 11/11/2013 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T đã tốt nghiệp khoá học bồi dưỡng kế toán hành chính sự nghiệp; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, màu đen, số 15-ra0055TU A (4NA89BA UUF), Core i3; 01 máy tính bàn, nhãn hiệu VSP, màu đen; 01 bằng cử nhân kế toán của Trường Đại học Mở Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T ngày 12/10/2022; 01 màn hình máy tính hiệu Global, 21,5 inch, model GL-2210S; 01 điện thoại di động hiệu S1 S10 Lite.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là 60.147.845 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Hồng T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo hưởng lợi từ việc xuất bán 08

hóa đơn của Công ty T5 cho Công ty V được 55.273.845 đồng, còn việc xuất bán hóa đơn của Công ty T5 cho cửa hàng ông Nguyễn Thanh T2 thì bị cáo chưa nhận tiền hoa hồng 4.874.000 đồng. Bị cáo không tranh luận đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua. Yêu cầu được nhận lại các tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không cấm bị cáo hành nghề kế toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi Cục Thuế tỉnh A – Ông Nguyễn Hoàng M là người đại diện theo ủy quyền, trình bày: Chi cục Thuế tỉnh A đã xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế của Công ty V, xác định số tiền thuế gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tại Kết luận giám định số 14/KL-GĐTP ngày 07/11/2023 của Chi cục Thuế tỉnh A và Công văn số 4834 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thuế khu vực C1 - C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn N, Phạm Văn L3 trình bày: Các ông có nhờ bị cáo T thực hiện việc đăng ký thành lập công ty, chữ ký số, lợi dụng việc giữ chữ ký số của Công ty T5, bị cáo xuất bán 14 hóa đơn trái phép nhưng ông N đã hủy các hóa đơn này khi nhận được thông báo của Chi cục Thuế khu vực E, tỉnh Đồng Tháp nên chưa gây ra thiệt hại tài sản. Ông N, ông L3 không yêu cầu bị cáo trả lại các chữ ký số.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Phú C, Nguyễn Thanh T2, Trần Thị Cẩm L1, Lê Ký L2, Nguyễn Tứ H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không lý do, riêng Mai Tôn L có đơn xin vắng mặt. Đại

diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa và người tham gia tố tụng không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết trong vụ án nên việc vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Bị cáo Bùi Hồng T lợi dụng chức vụ, quyền hạn là giám đốc chi nhánh Công ty TNHH K tại An Giang, lợi dụng làm dịch vụ kế toán cho Công ty T5 do ông Phạm Văn N là chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 08 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T5 cho ông Mai Tôn L là đại diện pháp luật của Công ty V và 06 hóa đơn cho ông Nguyễn Thanh T2 là chủ cửa hàng T8, mục đích để hợp thức hóa việc mua bán hàng hóa không hóa đơn, chứng từ nhằm hưởng lợi bất chính. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo điểm c khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với việc bị cáo Bùi Hồng T xuất khống 02 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty B2 cho Công ty V Cái Dầu, với tổng giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn là 307.164.000 đồng nhưng chưa bán các hóa đơn này và chưa kê khai hóa đơn đầu vào cho Công ty V nên không quy kết trách nhiệm hình sự T đối với 02 hóa đơn này. Riêng, Mai Tôn L mua 08 số hóa đơn trái phép, Nguyễn Thanh T2 mua 06 số hóa đơn trái phép của Bùi Hồng T là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Bị cáo là phụ nữ trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Mặt khác, bị cáo có trình độ học vấn tương đối cao (Đại học) nên thế giới quan trong nhận thức có phần hoàn thiện hơn và sẽ có những suy nghĩ chính chắn khi điều khiển hành vi nhưng ngược lại bị cáo lợi dụng chuyên môn, nghiệp vụ là kế toán, đồng thời lợi dụng chức vụ, quyền hạn là giám đốc công ty T6 thành lập doanh nghiệp để thực hiện việc mua bán trái

phép hóa đơn, chứng từ cho các công ty tư nhân để hưởng lợi bất chính, điều này thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cấm bị cáo hành nghề trong lĩnh vực kế toán trong khung thời gian nhất định để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên các vật chứng, gồm:

01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T7, địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602149986-QL, có mã số 540521011020016170; 01 chữ ký số màu đen của Công ty TNHH X, địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602143695-QL (do Công ty không yêu cầu nhận lại); 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty TNHH MTV S, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Kiên Giang, MST 1702274966-QL và 01 mộc dấu tròn của Công ty S. Các chữ ký số, mộc tròn của các Công ty nêu trên không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

01 chữ ký số màu trắng sữa của Công ty TNHH B2, địa chỉ: xã V, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602159663-QL. Đây là tài sản của Công ty B2 do bà Trần Thị Cẩm L1 làm đại diện theo pháp luật nên trả lại cho bà L1.

01 chữ ký số màu đỏ của Công ty K chi nhánh A, địa chỉ: số E, L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, MST 4601535688-002, mua của Công ty Cổ phần Đ, có mã số LCS 20980009576; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T6, MST 1602120190-QL, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5404191001008600; 01 chữ ký số màu xanh của Công ty TNHH T6 chi nhánh số 01 An Giang, địa chỉ: số H, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, MST 0108618377-041-QL; 01 mộc dấu tròn của Công ty T6; 01 mộc dấu tròn của

Công ty T6 chi nhánh A; 01 mộc dấu tròn của Công ty K chi nhánh A; 05 dấu tên và chức vụ (02 dấu tên Bùi Hồng T, 01 dấu giám đốc chi nhánh B3, 01 dấu giám đốc chi nhánh, 01 dấu giám đốc Trần Vũ P); 01 Chứng nhận số 7045/CN-PNP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Công ty CP P1; 01 Chứng chỉ đào tạo đấu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu số 0872-TC19AG ngày 20/5/2019 của Công ty TNHH B4; 01 Chứng nhận số 852CP2-214 ngày 31/12/2020 của Trung tâm N3 cấp cho Bùi Hồng T về khoá bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng; 01 Chứng chỉ tốt nghiệp số 068486 ngày 11/11/2013 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T đã tốt nghiệp khoá học bồi dưỡng kế toán hành chính sự nghiệp; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, màu đen, số 15-ra0055TU A (4NA89BA UUF), Core i3; 01 máy tính bàn, nhãn hiệu VSP, màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu Global, 21.5 inch, model GL-2210S; 01 điện thoại di động hiệu S1 S10 Lite; 01 bằng cử nhân kế toán của Trường Đại học Mở Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T ngày 12/10/2022. Đây là các tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, bị cáo sử dụng liên lạc, trao đổi mua bán trái phép hóa đơn nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo hưởng lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép là 60.147.845 đồng, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Hồng T phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

[1] Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Hồng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023.

[2] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cấm bị cáo Bùi Hồng T đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm, tính từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 60.147.845 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T7, địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602149986-QL, có mã số 540521011020016170; 01 chữ ký số màu đen của Công ty TNHH X, địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602143695-QL (do Công ty không yêu cầu nhận lại); 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty TNHH MTV S, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Kiên Giang, MST 1702274966-QL và 01 mộc dấu tròn của Công ty S.

Trả lại cho bà Trần Thị Cẩm L1: 01 chữ ký số màu trắng sữa của Công ty TNHH B2, địa chỉ: xã V, huyện C, tỉnh An Giang, MST 1602159663-QL.

Trả lại cho bị cáo T: 01 chữ ký số màu đỏ của Công ty K chi nhánh A, địa chỉ: số E, L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, MST 4601535688-002, mua của Công ty Cổ phần Đ, có mã số LCS 20980009576; 01 chữ ký số màu trắng bạc của Công ty TNHH T6, MST 1602120190-QL, mua của nhà mạng Viettel, có mã số 5404191001008600; 01 chữ ký số màu xanh của Công ty TNHH T6 chi nhánh số 01 An Giang, địa chỉ: số H, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, MST 0108618377-041-QL; 01 mộc dấu tròn của Công ty T6; 01 mộc dấu tròn của Công ty T6 chi nhánh A; 01 mộc dấu tròn của Công ty K chi nhánh A; 05 dấu tên và chức vụ (02 dấu tên Bùi Hồng T, 01 dấu giám đốc chi nhánh B3, 01 dấu giám đốc chi nhánh, 01 dấu giám đốc Trần Vũ P); 01 Chứng nhận số 7045/CN-PNP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Công ty CP P1; 01 Chứng chỉ đào tạo đấu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu số 0872-TC19AG ngày 20/5/2019 của Công ty TNHH B4; 01 Chứng nhận số 852CP2-214 ngày 31/12/2020 của Trung tâm N3 cấp cho Bùi Hồng T về khoá bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng; 01 Chứng chỉ tốt nghiệp số 068486 ngày 11/11/2013 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T đã tốt nghiệp khoá học bồi dưỡng kế toán hành chính sự nghiệp; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, màu đen, số 15-ra0055TU A (4NA89BA UUF), Core i3; 01 máy tính bàn, nhãn hiệu VSP, màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu Global, 21.5 inch, model GL-2210S; 01 điện thoại di động hiệu S1 S10 Lite; 01 bằng cử nhân kế toán của Trường Đại học Mở Thành phố H cấp cho Bùi Hồng T ngày 12/10/2022.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu S1 A9.

(Xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục THA Tp.L;
- Nhà Tạm Giữ CA Tp.L;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam